



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 07/ LIVING NATURE /2021

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH LIVING NATURE VIETNAM**

Địa chỉ: 64/1 Cù Lao, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: Fax:

Email:

Mã số doanh nghiệp: 0315837585

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không áp dụng do cơ sở kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn.

Ngày cấp/ Nơi cấp: Không áp dụng

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM:

1. Tên sản phẩm: THỰC PHẨM BỔ SUNG: SỮA NON – MILK COLOSTRUM POWDER

2. Thành phần: trong 100g: Sữa bột nguyên kem (bột sữa bò, lecithin đậu nành) (89,73 g), bột sữa non (8,08 g), bột calcium caseinate (1,11 g), Bột DHA (0,55 g), Kẽm gluconate (0,440 g) và chất chống đông vón: Silicon dioxide, amorphous (INS 551) (0,09 g).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Thời hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Ngày sản xuất và hạn sử dụng ghi dưới đáy lon, đáy hộp

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh: 450 g/hộp hoặc theo yêu cầu của khách hàng và được ghi rõ trên bao bì.
 - Chất liệu bao bì:
 - + Sản phẩm chứa trong hộp thiếc tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
 - + Sản phẩm chứa trong bao tráng nhôm tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, bên ngoài là hộp giấy
- Bao bì đạt chất lượng trong thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất:

Xuất xứ: New Zealand

Sản xuất tại: NATURAL FARM GROUP LIMITED

Địa chỉ: 2317, Natural farm group limited, AUCKLAND, New Zealand

Xuất khẩu bởi: Deep Blue Health NZ LTD (NZPUREHEALTH)

Địa chỉ: 36C Apollo Drive, Mairangi Bay 0632 Auckland, New Zealand.

III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM: (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

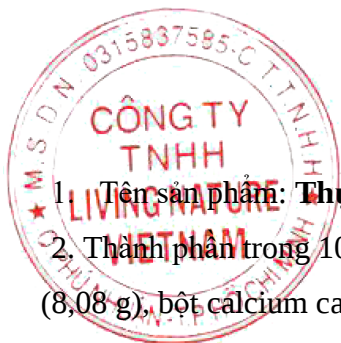
1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm QCVN 8-1:2011/BYT.
2. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm QCVN 8-2:2011/BYT.
3. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm trong thực phẩm QCVN 8-3:2012/BYT.
4. Quyết định 38/2008/QĐ-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa của melamine nhiễm chéo trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TPHCM, ngày 15 tháng 11 năm 2021

Giám Đốc





NHÃN PHỤ SẢN PHẨM

1. Tên sản phẩm: **Thực phẩm bổ sung: Sữa Non – Milk Colostrum Powder**
2. Thành phần trong 100g: Sữa bột nguyên kem (bột sữa bò, lecithin đậu nành) (89,73 g), bột sữa non (8,08 g), bột calcium caseinate (1,11 g), Bột DHA (0,55 g), Kẽm gluconate (0,440 g) và chất chống đông vón: Silicon dioxide, amorphous (INS 551) (0,09 g).
3. Khối lượng tịnh: 450 g/hộp
4. NSX và HSD: xem dưới đáy lon, đáy hộp.
5. Công dụng: Bổ sung dưỡng chất cho cơ thể
6. Đối tượng sử dụng: Dùng cho trẻ từ 5 tuổi trở lên và người trưởng thành.
7. Hướng dẫn sử dụng:

Rửa tay và các dụng cụ pha sữa thật sạch

Ngâm các dụng cụ pha vào nước sôi khoảng 5-10 phút trước khi sử dụng

- Hướng dẫn cách pha:

 - + Trẻ từ 5 tuổi – 14 tuổi: pha 1 – 2 muỗng bột trong 200 ml nước đun sôi để nguội (khoảng 50°C).
 - + Trẻ từ 14 tuổi – 18 tuổi: pha 2 – 4 muỗng bột trong 200 ml nước đun sôi để nguội (khoảng 50°C).
 - + Người trưởng thành: pha 3 – 5 muỗng bột trong 200 ml nước đun sôi để nguội (khoảng 50°C).

Sử dụng tối đa 5 muỗng mỗi ngày.

Thông tin cảnh báo: Không dùng sản phẩm khi hết hạn sử dụng.
6. Bảo quản: Nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
7. Xuất xứ và tên thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm:

7.1 Xuất xứ: New Zealand

Sản xuất tại: NATURAL FARM GROUP LIMITED

Địa chỉ: 2317, Natural farm group limited, AUCKLAND, New Zealand

Xuất khẩu bởi: Deep Blue Health NZ LTD (NZPUREHEALTH)

Địa chỉ: 36C Apollo Drive, Mairangi Bay 0632 Auckland, New Zealand.

7.2 Thương nhân nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm:

CÔNG TY TNHH LIVING NATURE VIETNAM

Địa chỉ: 64/1 Cù Lao, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



BẢNG TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung: Sữa Non – Milk Colostrum Powder

2. Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

Xuất xứ: New Zealand

Sản xuất tại: NATURAL FARM GROUP LIMITED

Địa chỉ: 2317, Natural farm group limited, AUCKLAND, New Zealand

Xuất khẩu bởi: Deep Blue Health NZ LTD (NZPUREHEALTH)

Địa chỉ: 36C Apollo Drive, Mairangi Bay 0632 Auckland, New Zealand.

3. Trạng Thái sản phẩm:

- Trạng thái: Dạng bột

- Màu sắc: Màu đặc trưng của sản phẩm

4. Thành phần cấu tạo: Thành phần trong 100g: Sữa bột nguyên kem (bột sữa bò, lecithin đậu nành) (89,73 g), bột sữa non (8,08 g), bột calcium caseinate (1,11 g), Bột DHA (0,55 g), Kẽm gluconate (0,440 g) và chất chống đông vón: Silicon dioxide, amorphous (INS 551) (0,09 g).

5. Chỉ tiêu an toàn:

5.1. Giới hạn về vi sinh vật: Theo QCVN 8-3:2012/BYT:

Stt	Tên chỉ tiêu	Kế hoạch lấy mẫu		Giới hạn cho phép (CFU/g)		Phân loại chỉ tiêu
		n	c	m	M	
01	<i>Enterobacteriaceae</i>	5	0	10^1		A
02	<i>Staphylococci</i> dương tính với coagulase	5	2	10^1	10^2	A
03	Nội độc tố của <i>Staphylococcus</i> (<i>Staphylococcal enterotoxin</i>)	5	0	KPH ⁽²⁾		B
04	<i>L.monocytogens</i> ⁽¹⁾	5	0	10^2		A
05	<i>Salmonella</i>	5	0	KPH ⁽²⁾		A

Trong đó:

- n : số mẫu cần lấy từ lô hàng để kiểm nghiệm.
- c : số mẫu tối đa cho phép có kết quả kiểm nghiệm nằm giữa m và M . Trong n mẫu kiểm nghiệm được phép có tối đa c mẫu cho kết quả kiểm nghiệm nằm giữa m và M .
- m : giới hạn dưới, nếu trong n mẫu kiểm nghiệm tất cả các kết quả không vượt quá giá trị m là đạt.
- M : giới hạn trên, nếu trong n mẫu kiểm nghiệm chỉ 01 mẫu cho kết quả vượt quá trị M là không đạt.
- ⁽¹⁾: đối với sản phẩm dùng ngay
- ⁽²⁾: trong 25g hoặc 25 ml

5.2 Giới hạn về kim loại nặng: theo QCVN 8-2:2011/BYT:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
01	Arsen (As)	ppm	0,5
02	Cadmi (Cd)	ppm	1,0
03	Chì (Pb)	ppm	0,02
04	Thủy ngân (Hg)	ppm	0,05
05	Thiếc	ppm	250

5.3 Hàm lượng hóa chất không mong muốn:

	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
01	Hàm lượng Aflatoxin M ₁	µg/l	0,5
02	Hàm lượng Melamine	mg/l	2,5

6. Công dụng: Bổ sung dưỡng chất cho cơ thể

7. Đối tượng sử dụng: Dùng cho trẻ từ 5 tuổi trở lên và người trưởng thành.

8. Hướng dẫn sử dụng:

Rửa tay và các dụng cụ pha sữa thật sạch

Ngâm các dụng cụ pha vào nước sôi khoảng 5-10 phút trước khi sử dụng

- Hướng dẫn cách pha:

- + Trẻ từ 5 tuổi – 14 tuổi: pha 1 – 2 muỗng bột trong 200 ml nước đun sôi để nguội (khoảng 50°C).
- + Trẻ từ 14 tuổi – 18 tuổi: pha 2 – 4 muỗng bột trong 200 ml nước đun sôi để nguội (khoảng 50°C).
- + Người trưởng thành: pha 3 – 5 muỗng bột trong 200 ml nước đun sôi để nguội (khoảng 50°C).

Sử dụng tối đa 5 muỗng mỗi ngày.

Thông tin cảnh báo: Không dùng sản phẩm khi hết hạn sử dụng.

9. Chất liệu bao bì, quy cách đóng gói:

- Chất liệu bao bì:
 - + Sản phẩm chứa trong hộp thiếc tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

- + Sản phẩm chứa trong bao tráng nhôm tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, bên ngoài là hộp giấy Bao bì đạt chất lượng trong thực phẩm.
- Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh: 450 g/hộp hoặc theo yêu cầu của khách hàng và được ghi rõ trên bao bì.

10. Thời hạn sử dụng:

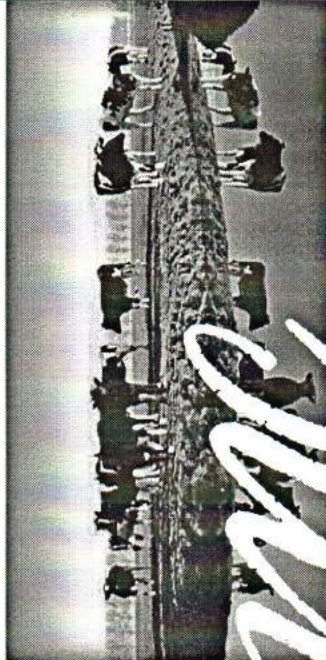
- Thời hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Ngày sản xuất và hạn sử dụng ghi dưới đáy lon, đáy hộp

11. Hướng dẫn bảo quản: Nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

TPHCM, ngày 15 tháng 11 năm 2021

Giám Đốc





Milk Colostrum Powder

- Good Source of Zinc*
- Immune Health Support*
- Integrated Active Calcium

450g

SUPPLEMENTED FOOD

NUTRITION INFORMATION:

Servings per can: 18 Serving size: 25g for adults

	Per Serve 25g	Per 100ml with 10g of the powder	% DI Per Serve
Energy	503kJ	229kJ	6%
Protein	7g	3.2g	14%
Fat	6.5g	3.0g	9%
Saturated Fat	3.9g	1.8g	16%
Trans Fat	0.3g	0.1mg	-
Polysaturated Fat	89.8mg	40.9mg	-
Total Omega 3 fatty Acids	15mg	6.8mg	-
Alpha-linolenic Acid	0.0mg	0.0mg	0% #
Docosahexaenoic Acid	15mg	6.8mg	-
Eicosapentaenoic Acid	0.0mg	0.0mg	-
Monounsaturated Fat	1.2g	0.6mg	-
Carbohydrates	8.5g	3.9g	3%
Sugars	8.5g	3.9g	9%
Sodium	65mg	29.6mg	3%
Calcium	280mg	109mg	30%*
Potassium	275mg	125mg	8% #
Zinc*	15mg	6.8mg	125%*
Immunoglobulin G	404mg	184mg	-

= Adequate Intake
* = Recommended Dietary Intake
Percentage daily intakes (DI) are based on an average adult diet of 8700kJ. The health effect must be considered in the context of a healthy diet involving the consumption of a variety of foods.

DIRECTIONS: For best results, mix milk colostrum powder with a small amount of liquid or water to make a smooth paste, then gradually add more liquid to the mixture while stirring. For blender mixing, combine milk colostrum powder with the desired amount of liquid and briefly blend at the lowest speed to minimise foaming.

SERVING SIZE: 1 scoop = 5g (approx)
5-14 years old 1-2 scoops per serving
14-18 years old 2-4 scoops per serving
Adults 3-5 scoops per serving
Maximum daily intake for adult is 5 scoops. Serving size more than 2 scoops of this product is intended for consumption only by person of or over the age of 14 years.

MIXING WITH FOOD: Milk colostrum powder may be mixed directly into prepared foods such as rice, oatmeal, gravy, or soup.

IMPORTANT NOTICE: Milk Colostrum powder is not a complete food and should not be used as a meal replacement. Do not use if seal is broken. This is a guide only, some individuals may require more or less than shown.

STORAGE: Opened can should be covered with over cap and store in a dry place below 30 °C, avoid direct sunlight. Once opened, use contents within one month. When mixed with prepared foods, use promptly or store appropriately.

INGREDIENTS PER 100G: Instant Whole Milk Powder (Bovine Milk Powder, Soy Lecithin) 89.73g, Colostrum Powder 8.08g, Calcium Caseinate Powder 1.11g, DHA Powder 0.55g, Zinc Gluconate 0.440g, and Silicon Dioxide Amorphous 0.09g.

Contains Milk and Soybean derivatives.

LABORATORY TESTED, QUALITY GUARANTEED.

THIS PRODUCT IS PRODUCED UNDER RMP STANDARDS (SUL NO.: 2317)

To order visit www.nzpurehealth.com

MADE IN NEW ZEALAND FROM LOCAL & IMPORTED INGREDIENTS

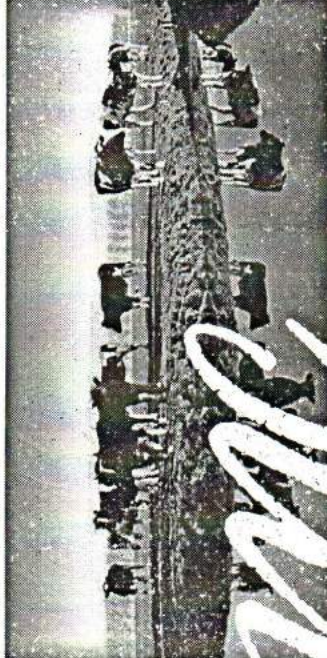
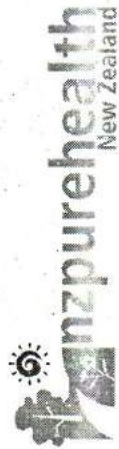
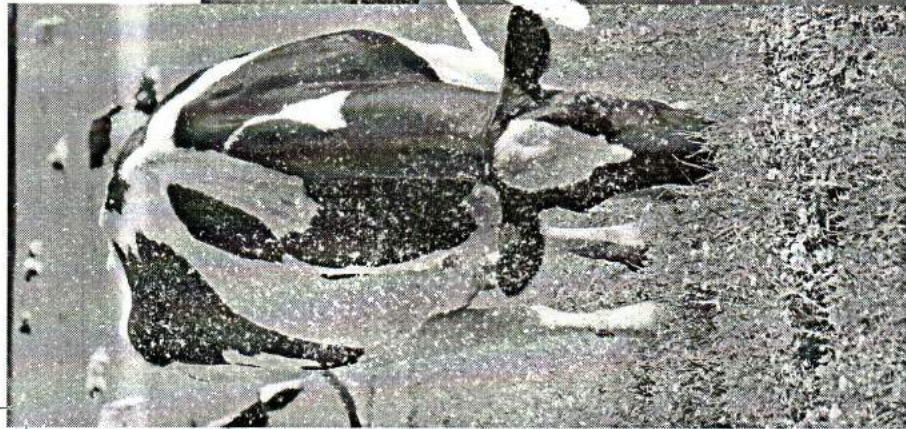
BATCH AND EXPIRE SEE BOTTOM OF CAN

DEEP BLUE HEALTH NZ LTD, 36C APOLLO DRIVE, MAIRANGI BAY 0632, AUCKLAND, NEW ZEALAND



SKU: NZPHDMC450R





nm

Milk Colostrum Powder

- Good Source of Zinc*
- Immune Health Support*
- Integrated Active Calcium

450g

SUPPLEMENTED FOOD



DIRECTIONS: For best results, mix milk colostrum powder with a small amount of liquid or water to make a smooth paste, then gradually add more liquid to the mixture while stirring. For blender mixing, combine milk colostrum powder with the desired amount of liquid and briefly blend at the lowest speed to minimise foaming.

SERVING SIZE: 1 scoop = 5g (approx)
 5-14 years old 1-2 scoops per serving
 14-18 years old 2-4 scoops per serving
 Adults 3-5 scoops per serving
 Maximum daily intake for adult is 5 scoops. Serving size more than 2 scoops of this product is intended for consumption only by person or pet over the age of 14 years.

Please mix with boiled water below 50 deg.C
MIXING WITH FOOD: Milk colostrum powder may be mixed directly into prepared foods such as rice, oatmeal, gravy, or soup.

IMPORTANT NOTICE: Milk Colostrum powder is not a complete food and should not be used as a meal replacement.

Do not use if seal is broken. This is a guide only, some individuals may require more or less than shown.

STORAGE: Opened can should be covered with cover cap and store in a dry place below 30 °C, avoid direct sunlight. Once opened, use contents within one month. When mixed with prepared foods, use promptly or store appropriately.

INGREDIENTS PER 100G: Infant Whole Milk Powder (Bovine-Milk Powder, Soy Lecithin) 88.75g, Colostrum Powder 8.08g, Calcium Caseinate Powder 1.11g, DHA Powder 0.55g, Zinc Gluconate 0.440g, and Silicon Dioxide Amorphous 0.08g.

Contains Milk and Soybean derivatives.

LABORATORY TESTED. QUALITY GUARANTEED.

THIS PRODUCT IS PRODUCED UNDER RMP STANDARDS (ULI NO. 2317)

To order visit www.nzpurehealth.com

MADE IN NEW ZEALAND FROM LOCAL & IMPORTED INGREDIENTS

BATCH AND EXPIRE SEE BOTTOM OF CAN

DEEP BLUE HEALTH LTD, 36C APOLLO DRIVE, MAIRANGI BAY 0632 AUCKLAND, NEW ZEALAND

NUTRITION INFORMATION:

Servings per can: 18. Serving size: 25g for adults

	Per Serve 25g	Per 100ml of the powder	% DI Serve
Energy	563kJ	228kJ	6%
Protein	7g	3.2g	14%
Fat	6.5g	3.0g	9%
Saturated fat	3.9g	1.9g	16%
Trans Fat	0.3g	0.1mg	-
Polysaturated Fat	89.8mg	40.7mg	-
Total Omega-3 Fatty Acids	15mg	6.8mg	-
Alpha-linolenic Acid	0.0mg	0.0mg	0% #
Docosahexaenoic Acid	15mg	6.8mg	-
Eicosapentaenoic Acid	0.0mg	0.0mg	-
Monounsaturated Fat	1.3g	0.6mg	-
Carbohydrates	8.5g	3.9g	3%
Sugars	8.5g	3.9g	9%
Sodium	65mg	29.6mg	3%
Calcium	280mg	109mg	30% #
Potassium	275mg	125mg	8% #
Zinc	15mg	6.8mg	125%
Immunoglobulin G	404mg	184mg	-

= Adequate Intake

% = Recommended Dietary Intake

Percentage daily intakes (DI) are based on an average adult diet of 8700kJ. The health effect must be considered in the context of a healthy diet involving the consumption of a variety of foods.



SKU: NZPHDMC450R



Đặng Ngọc Hoàng

15/11/2021

Giám Đốc

Bột sữa non

- Nguồn cung cấp kẽm tuyệt vời
- Hỗ trợ sức khỏe hệ miễn dịch
- Canxi hoạt tính tích hợp

450g

THỰC PHẨM BỔ SUNG

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG: Để có kết quả tốt nhất, trộn bột sữa non với một lượng nhỏ chất lỏng hoặc nước để tạo thành hỗn hợp mịn, sau đó thêm dần chất lỏng vào hỗn hợp trong khi đang khuấy. Đối với máy xay sinh tố, kết hợp bột sữa non với lượng chất lỏng mong muốn và xay nhanh ở tốc độ thấp nhất để giảm thiểu tạo bọt.

LƯỢNG DÙNG: 1 muỗng = 5g (xấp xỉ)

5-14 tuổi: 1-2 muỗng/khẩu phần

14-18 tuổi: 2-4 muỗng/khẩu phần

Người lớn: 3-5 muỗng/khẩu phần

Lượng dùng hàng ngày tối đa cho người lớn là 5 muỗng. Khẩu phần sản phẩm nhiều hơn 2 muỗng chỉ dành cho người từ 14 tuổi trở lên. Vui lòng pha với nước đun sôi dưới 50 độ C.

DÙNG VỚI THỰC PHẨM: Có thể trộn trực tiếp bột sữa non vào thức ăn chế biến sẵn như gạo, bột yến mạch, nước sốt hoặc súp.

LƯU Ý QUAN TRỌNG: Bột sữa non không phải là thực phẩm hoàn chỉnh và không nên sử dụng như bữa ăn thay thế.

Không sử dụng sản phẩm khi tem bị bóc, bị hỏng. Đây chỉ là hướng dẫn, một số cá nhân có thể yêu cầu nhiều hơn hoặc ít hơn theo hướng dẫn.

BẢO QUẢN: Hộp đã mở nắp nên đậy kín nắp và bảo quản nơi khô ráo dưới 30°C, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm chỉ nên dùng trong vòng một tháng sau khi đã mở nắp. Khi pha chế cùng với thức ăn chế biến sẵn, hãy sử dụng ngay hoặc bảo quản thích hợp.

THÀNH PHẦN MỖI 100G: Sữa bột nguyên kem dùng liền (Bột sữa bò, Lecithin đậu nành) 89,73g, Bột sữa non 8,08g, Bột Canxi Caseinate 1,11g, Bột DHA 0,55g. Kẽm gluconate 0,440g và Silicon Dioxide vô định hình 0,09g.

Chứa sữa và dẫn xuất đậu nành

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Khẩu phần mỗi hộp sữa: 18 Lượng dùng: 2,5g cho người lớn

	Mỗi khẩu phần 25g	100mL với 11,4g bột	% DI mỗi khẩu phần
Năng lượng	503kJ	229kJ	6%
Đạm (Protein)	7g	3,2g	14%
Chất béo	6,5g	3,0g	9%
Chất béo bão hòa	3,9g	1,8g	16%
Chất béo chuyển hóa	0,3g	0,1mg	-
Chất béo bão hòa đa	89,8mg	40,9mg	-
Tổng số axit béo Omega 3	15mg	6,8mg	-
Axit alpha-linolenic	0,0mg	0,0mg	0% #
Axit docosahexaenoic	15g	6,8mg	-
Axit eicosapentaenoic	0,0g	0,0mg	-
Chất béo không bão hòa đơn	1,3mg	0,6mg	-
Carbohydrate	8,5mg	3,9g	3%
Đường	8,5mg	3,9g	9%
Natri	65mg	29,6mg	3%
Canxi	240mg	109mg	30% ^
Kali	275mg	125mg	8% #
Kẽm *	15mg	6,8mg	125% ^
Immunoglobulin G	404mg	184mg	-

= Lượng đầy đủ

^ = Lượng ăn kiêng được khuyến nghị

Phần trăm lượng dùng hàng ngày (DI) dựa trên chế độ ăn uống trung bình của người lớn là 8700kJ. Cần phải xem xét việc ảnh hưởng sức khỏe trong trường hợp lập chế độ ăn kiêng mạnh liên quan đến việc tiêu thụ nhiều loại thực phẩm khác nhau.

ĐÃ KIỂM TRA TRONG PHÒNG THÍ NGHIỆM, ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG.

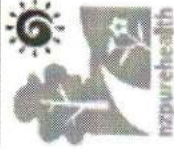
SẢN PHẨM ĐƯỢC SẢN XUẤT THEO TIÊU CHUẨN RMP (SỐ ULI: 2317)

Để đặt hàng, truy cập www.nzpurehealth.com

SẢN XUẤT TẠI NEW ZEALAND TỪ ĐỊA PHƯƠNG & NGUYÊN LIỆU NHẬP KHẨU

LÔ HÀNG VÀ NGÀY HẾT HẠN XEM TRÊN HỘP

DEEP BLUE HEALTH NZ LTD, 36C APOLLO DRIVE, MAIRANGI BAY 0632 AUCKLAND, NEW ZEALAND



Tôi, Dương Văn Thuận, CCCD số: 087078000113, cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Ngày 15 tháng 11 năm 2021

Người dịch

Dương Văn Thuận

DƯƠNG VĂN THUẬN

Ngày 15 tháng 11 năm 2021 (Ngày mười lăm tháng mười một năm hai ngàn không trăm hai mươi mốt)

Tại Phòng Tư Pháp quận Phú Nhuận

Tôi, là Trưởng phòng Tư pháp quận Phú Nhuận
Nguyễn Minh Lâm

CHỨNG THỰC

Ông Dương Văn Thuận là người đã ký vào bản dịch này.

Số chứng thực: **6 8 3 8 6** Quyển số: 01-SCT/CKND

Ngày 15 tháng 11 năm 2021

Trưởng phòng Tư pháp quận Phú Nhuận



Nguyễn Minh Lâm





Số/ No: 11826 2111/KQ
Mã số/ Code: 3665 2111
Mã số mẫu/ Sample code: 12726 2111
Trang/ Page: 1/ 2

CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIET TIN TESTING CO., LTD
PTN & VP Nhận mẫu : 39A, Đường số 4, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, TP. HCM
Laboratory & Office : 39A, 4th street, Binh Tri Dong B ward, Binh Tan district, Ho Chi Minh city
Tel : (028) 39158936, (028) 3827 7986 Fax : (028) 3824 7013
Email : ktclviettin@gmail.com Web : kiemnghiemviettin.com



VILAS 1074 VIMCerts 211

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

Tên khách hàng/ Client : **CÔNG TY TNHH LIVING NATURE VIETNAM**
Địa chỉ/ Address : 64/1 Cù Lao, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/11/2021 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 15/11/2021
Loại mẫu/ Kind of sample : Thực phẩm bổ sung Số lượng mẫu/ Quantity of sample : 01 mẫu
Tên mẫu/ Name of sample : **Thực phẩm bổ sung: SỮA NON – MILK COLOSTRUM POWDER**
Tình trạng mẫu/ State of sample : Trong bao bì kín

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
1	<i>Enterobacteriaceae</i> (*)	ISO 21528 – 2 : 2017	Không phát hiện (LOD=10)	CFU/g
2	<i>Salmonella</i> (*)	TCVN 10780 – 1 : 2017 (ISO 6579 – 1 : 2017)	Không phát hiện	trong 25g
3	<i>Listeria monocytogenes</i> (*)	ISO 11290 – 2 : 2017	Không phát hiện (LOD=10)	CFU/g
4	<i>Staphylococci</i> (+) <i>coagulase</i> (*)	TCVN 4830-1 : 2005 (ISO 6888-1 : 1999/ AMD 2 : 2018)	Không phát hiện (LOD=10)	CFU/g
5	<i>Staphylococcal enterotoxin</i>	ISO 19020 : 2017	Không phát hiện	trong 25g
6	Arsen (As) (*)	AOAC 986.15	Không phát hiện (LOD=0,05)	mg/kg
7	Cadimi (Cd) (*)	TCVN 7929 : 2008	0,023	mg/kg
8	Chì (Pb) (*)	TCVN 7933 : 2009	Không phát hiện (LOD=0,005)	mg/kg
9	Thủy ngân (Hg) (*)	AOAC 974.14	Không phát hiện (LOD=0,015)	mg/kg
10	Thiếc (Sn)	Ref. AOAC 986.15	Không phát hiện (LOD=0,05)	mg/kg



Số/ No: 11826 2111/KQ
Mã số/ Code: 3665 2111
Mã số mẫu/ Sample code: 12726 2111
Trang/ Page: 2/ 2



VILAS 1074 VIMCERTS 211

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
11	Melamin	SOP.01-238 (GC-MS)	Không phát hiện (LOD=0,05)	mg/kg
12	Aflatoxin M1	TCVN 6685 : 2009	Không phát hiện (LOD=0,15)	µg/kg

Ghi chú/ Notes:

PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by:

- Bộ Y Tế - Cục An Toàn Thực Phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety ; Bộ Nông Nghiệp - Cục Quản Lý Chất Lượng Nông Lâm Sản và Thủy Sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.

Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.

LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.

(*); Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017).

(s/c); Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (s/c): Items are tested by subcontractor

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trưởng

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



ThS. Nguyễn Văn Tâm